

Bản án số: 47/2021/HS-ST
Ngày: 30-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.
2. Bà Nguyễn Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Triều Mến – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Phan Minh H (tên gọi khác: C), sinh năm 1994 tại tỉnh Bình Dương; địa chỉ thường trú: Ấp R, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Minh G, sinh năm 1972 và bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1975; bị cáo có 02 anh em, lớn là bị cáo, nhỏ sinh năm 1997.

Tiền án: Ngày 02/02/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát xử phạt 02 năm tù về tội “cố ý gây thương tích” theo Bản án số 14, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/6/2019 và chấp hành xong án phí ngày 01/6/2018, chưa bồi thường thiệt hại.

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/6/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hữu T (tên gọi khác: B), sinh năm 1996 tại tỉnh Bình Dương; địa chỉ thường trú: Ấp P, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: Ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12;

dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1963 và bà Trần Ngọc V, sinh năm 1967; bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Tiền án: Ngày 16/7/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 60, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/02/2018 và chấp hành xong án phí ngày 03/11/2014.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 23/9/2010, Ủy ban nhân dân huyện Bến Cát (nay là thị xã Bến Cát), tỉnh Bình Dương ra Quyết định về việc đưa đối tượng và Trường giáo dưỡng số 4447/QĐ-UBND đối với Nguyễn Hữu T trong thời hạn 24 tháng về hành vi Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong ngày 30/5/2012.

- Ngày 12/01/2021 Nguyễn Hữu T bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 03/2021/HS-ST ngày 12/01/2021.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2020 cho đến nay trong một vụ án khác. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1999; trú tại: Ấp H, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Tổ 18, ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Ông Vũ Đức T, sinh năm 1968 – Chủ tiệm Cầm đồ T; trú tại: Ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; trú tại: Xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Tổ 18, ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương (theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2019), có đơn xin giải quyết vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1998; trú tại: Ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

4. Ông Võ Tấn N, sinh năm 1997; trú tại: Ấp 7, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Ấp R, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Ngọc V, sinh năm 1967; trú tại: Ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1999; trú tại: Ấp H, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Tổ 18, ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

3. Ông Vũ Đức T, sinh năm 1968 – Chủ tiệm Cầm đồ T; trú tại: Ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; trú tại: Xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Tổ 18, ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương (theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2019), có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Đỗ Tấn H, vắng mặt.
2. Ông Lê Hoàng V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Minh H là đối tượng không nghề nghiệp, nghiện ma túy và không nơi cư trú nhất định. Từ ngày 21/02/2020 đến ngày 8/5/2020, H đã thực hiện 03 vụ chiếm đoạt tài sản và 01 vụ cố ý gây thương tích trên địa bàn thị xã B, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất và thứ hai: H, Võ Thị T và Nguyễn Minh T sống chung phòng trọ tại nhà trọ H thuộc ấp K, xã A, thị xã B. Khoảng 06 giờ ngày 21/02/2020, H mượn xe mô tô hiệu Winner, biển số 61H1-498.84 của Nguyễn Minh T để chở Võ Thị T đi làm. Nguyễn Minh T nói H điều khiển xe mô tô biển số 61H1-498.84 chở Nguyễn Minh T đến công ty H thuộc ấp R, xã A, thị xã B, rồi Nguyễn Minh T cho H mượn xe, 17 giờ H quay lại đón Nguyễn Minh T. Sau khi chở Nguyễn Minh T đến công ty, H quay lại nhà trọ H chở Võ Thị T đi đến nhà bạn, rồi đi tìm một số người bạn hỏi mượn tiền để đóng tiền nhà trọ nhưng không mượn được. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, H quay lại phòng trọ, khi lên gác lấy đồ H thấy cái bóp của Nguyễn Minh T để quên ở phòng. Lúc này, H nghĩ trong bóp sẽ có giấy tờ xe mô tô biển số 61H1-498.84 và giấy tờ tùy thân của Nguyễn Minh T nên H nảy sinh ý định đem xe mô tô đi cầm cố lấy tiền đóng tiền nhà trọ và đánh bạc. H mở bóp ra kiểm tra phát hiện bên trong có một giấy chứng chặn đăng ký xe mô tô biển số 61H1-498.84 (bản photo), một chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Minh T (bản photo) và một giấy biên nhận cầm cố tài sản là điện thoại di động hiệu Samsung A30 32Gb tại tiệm cầm đồ T, địa chỉ: Ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Khi thấy biên nhận cầm cố điện thoại của Nguyễn Minh T, H nảy sinh thêm ý định sẽ chuộc lại điện thoại này để sử dụng. Khoảng 13 giờ cùng ngày, H cầm theo giấy tờ lấy trong bóp của Nguyễn Minh T và điều khiển xe mô tô biển số 61H1-498.84 đến tiệm cầm đồ T thì gặp anh Nguyễn Văn T là quản lý của tiệm. H đưa giấy chứng chặn đăng ký xe mô tô biển số 61H1-498.84 (bản photo) và chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Minh T (bản photo) cho anh Nguyễn Văn T và yêu cầu cầm cố xe mô tô biển số 61H1-498.84 với số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Sau khi kiểm tra giấy tờ và xe mô tô biển số 61H1-498.84, anh Nguyễn Văn T nghĩ là Nguyễn Minh T nên đồng ý theo yêu cầu của H và lập hợp đồng cầm cố ghi tên người cầm là Nguyễn Minh T và đưa cho H thì H cũng ký tên Nguyễn Minh T. Lúc này, H đưa biên nhận cầm cố điện

thoại di động hiệu Samsung A30 của Nguyễn Minh T cho anh Nguyễn Văn T và yêu cầu chuộc lại. Anh Nguyễn Văn T kiểm tra thấy đúng là biên nhận của tiệm nên đồng ý cho H chuộc lại điện thoại với số tiền gốc và lãi là 2.050.000đ (hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi trừ tiền chuộc điện thoại, anh Nguyễn Văn T đưa cho H số tiền 12.950.000đ (mười hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Sau đó, H nhờ anh Nguyễn Văn T chở H đến công chào huyện D thuộc xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, rồi H đi bộ xung quanh các vườn cao su ở khu vực này để tìm chỗ đánh bạc. Khi đến một vườn cao su (không rõ địa chỉ), H thấy một nhóm người (không rõ nhân thân, lai lịch) đang chơi tài xỉu nên H vào tham gia chơi và thua hết 4.000.000đ (bốn triệu đồng) thì nghỉ. H tiếp tục đi bộ xung quanh khu vực này thì thấy một tiệm game bắn cá (không rõ địa chỉ) nên H vào chơi bắn cá thua hết 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm nghìn đồng) thì nghỉ chơi. Sau đó, H đi về khu vực xã A, thị xã B nhưng không về phòng trọ mà thuê nhà nghỉ ở vì sợ Nguyễn Minh T đòi lại xe mô tô. Ngày 22/2/2020, H nhờ một người bạn tên G (không rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở lại tiệm cầm đồ T cầm cố xe mô tô biển số 61H1-498.84 thêm 2.000.000đ (hai triệu đồng), rồi H bỏ trốn. Trong quá trình bỏ trốn, H tiêu xài hết số tiền còn lại, đồng thời cầm cố điện thoại di động hiệu Samsung A30 của Nguyễn Minh T tại một tiệm cầm đồ (không rõ địa chỉ) được số tiền 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) và tiêu xài hết.

Theo Kết luận định giá ngày 10/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Bến Cát kết luận: Xe mô tô hiệu Honda Winner, biển số 61H1-498.84 trị giá 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A30 32Gb trị giá 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Ngày 26/02/2020, Công an xã An Điền tiến hành thu giữ của Nguyễn Văn T 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Winner, biển số 61H1-498.84.

Ngày 23/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát ra Quyết định xử lý vật chứng số 101 giao trả xe mô tô biển số 61H1-498.84 cho Nguyễn Minh T.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Minh T yêu cầu Phan Minh H bồi thường 3.000.000đ (ba triệu đồng) theo kết quả định giá điện thoại di động hiệu Samsung A30 32Gb. Nguyễn Văn T yêu cầu Phan Minh H trả lại số tiền 14.950.000đ (mười bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Vụ thứ ba: Khoảng 14 giờ ngày 02/4/2020, H nảy sinh ý định mượn xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 93T7-1210 của bạn là Nguyễn Thanh T rồi cầm cố lấy tiền mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân nên H nhắn tin cho T nói dối với T là cho H mượn xe mô tô biển số 93T7-1210 đi chở bạn gái tại Trung tâm thị xã B rồi đem xe về trả, T đồng ý và nói H đến nhà T lấy xe. Khoảng 18 giờ cùng ngày, H điều khiển xe mô tô hiệu Kawasaki Max (không có biển số) do H mượn của cha dượng tên Keo Trọng L đến nhà của T tại ấp R, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Tại đây, H tiếp tục nói dối với T là do xe mô tô hiệu Max đã cũ nên H mượn xe mô tô biển số 93T7-1210 của T đi chở bạn gái tại Trung tâm thị xã B cho đỡ ngại, một lát H sẽ mang xe về trả. T đồng ý giao xe mô tô biển số 93T7-

1210 cùng chìa khóa xe cho H. H để xe mô tô hiệu Max lại nhà T, rồi điều khiển xe mô tô biển số 93T7-1210 đi đến khu vực khu công nghiệp M, thị xã B tìm nơi cầm cố nhưng do xe không có giấy chứng nhận đăng ký nên H không cầm cố được. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, H gọi điện thoại cho bạn là Nguyễn Hữu T hỏi T có biết nơi cầm cố xe không giấy tờ không, T nói “không có chỗ cầm, còn anh em thì T cầm cho 2.000.000 đồng”. H đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 93T7-1210 đến nhà của T tại ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Lúc này, T biết H là đối tượng nghiện ma túy, không nghề nghiệp, đã có tiền án mới chấp hành xong án phạt tù năm 2019 nên T nghi ngờ H lấy trộm xe mô tô của người khác nên hỏi H “Xe này ở đâu, sao không có giấy tờ, có lấy của ai không”, H nói “không sao đâu xe của bạn”, T nghĩ là bạn cùng sử dụng ma túy chung với H nên T không hỏi gì thêm mà đồng ý cầm cố xe cho H với giá 2.000.000đ (hai triệu đồng). Sau đó, H lấy 2.000.000đ (hai triệu đồng) mua ma túy sử dụng hết, rồi tiếp tục bỏ trốn. Khoảng 1 tháng sau khi cầm cố xe mô tô biển số 93T7-1210, do H không đến chuộc xe nên T bán lại cho một người đàn ông tên Th (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 3.000.000đ (ba triệu đồng) và tiêu xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá ngày 22/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Bến Cát kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 93T7-1210 trị giá 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Thanh T yêu cầu Phan Minh H bồi thường 6.000.000đ (sáu triệu đồng) theo kết quả định giá xe mô tô biển số 93T7-1210.

Vụ thứ tư: Ngày 06/5/2020, H đến nhà bạn là Đỗ Tấn H ở tổ 14, ấp T, xã A, thị xã B chơi thì gặp H và Võ Tấn N. Lúc này, H mượn điện thoại di động của N để cầm cố lấy tiền mua ma túy sử dụng chung thì N đồng ý. H cầm cố điện thoại của N được 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) và dùng mua ma túy của một người (không rõ nhân thân, lai lịch), rồi H, N cùng sử dụng ma túy hết. Khoảng 21 giờ ngày 08/5/2020, H đi bộ đến nhà Đỗ Tấn H thì thấy Đỗ Tấn H, N, Lê Hoàng V và một người đàn ông tên M (không rõ nhân thân, lai lịch) đang ngồi bàn ghế đá trước nhà Đỗ Tấn H. Khi thấy H thì N đòi H trả lại điện thoại mà H mượn ngày 06/5/2020. H lấy điện thoại trả cho N (do H chuộc lại trước đó cất trong túi quần). Lúc này, H nghĩ N sử dụng ma túy chung nhưng lại không góp tiền mà còn nói giọng khó nghe nên H nảy sinh ý định đi tìm hung khí đánh N. H bỏ đi ra phía sau nhà bà Nguyễn Thị R là bà nội của Đỗ Tấn H (nhà bà R cạnh nhà Đỗ Tấn H) thì thấy trong bếp (bếp phía sau nhà bà R không có cửa) có một con dao dài khoảng 50cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, mũi nhọn, cán làm bằng gỗ nằm ở dưới đất nên H lấy con dao cầm quay lại nơi N đang ngồi. N thấy H cầm con dao đi về phía mình nên đứng dậy bỏ chạy khoảng 20m thì bị té ngã nằm trên đường. Lúc này, H đuổi kịp và cầm dao bằng tay phải chém từ trên xuống hướng vào người N thì N đưa tay phải lên đỡ nên dao trúng vào tay phải và mũi dao trúng vào mặt N. Sau đó, N vùng dậy bỏ chạy, H không đuổi theo mà bỏ đi đến vườn cây cách nhà Đỗ Tấn H khoảng 500m vứt dao (không rõ địa chỉ) và tiếp tục bỏ trốn.

Theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 259/2020/GĐPY ngày 30/6/2020 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Bình Dương đối với bị hại Võ Tấn N, kết luận:

- Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương má trái 5,5 x 0,2cm, vết thương chân cánh mũi trái 1,8 x 0,2cm. Tay phải: Vết thương mặt trước cổ - bàn tay 9 x 0,3cm, trật hở khớp thang thuyền, đứt một phần cung động mạch gan tay nông và sâu ở mặt lòng bàn tay, đứt hoàn toàn thần kinh giữa, đứt một phần thần kinh trụ ở nhánh dưới cổ tay, đứt gân gấp ngón I, II, III, IV, V. Đã nắm trật và xuyên kim cố định khớp thang thuyền, khâu nối thần kinh, gân và động mạch. Hiện tại sẹo lành, còn hạn chế vận động cổ - bàn tay.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 36% (ba mươi sáu phần trăm).

- Cơ chế hình thành vết thương: Vết thương má – chân cánh mũi trái chiều chệch xuống 45 độ từ trái sang phải, hướng từ trước ra sau, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra. Vết thương mặt trước cổ - bàn tay phải chiều nằm ngang hơi chệch xuống từ phải sang trái, hướng từ sau ra trước, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra.

Về trách nhiệm dân sự: Võ Tấn N yêu cầu Phan Minh H bồi thường chi phí điều trị thương tích theo quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKSBC ngày 29/01/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phan Minh H về tội: “Cố ý gây thương tích”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 3 Điều 134, khoản 1 Điều 174, điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong phần tranh luận tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phan Minh H về tội: “Cố ý gây thương tích”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 3 Điều 134, khoản 1 Điều 174, điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; khoản 1 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 và các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phan Minh H mức án từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm tù về tội “cố ý gây thương tích”, từ 12 (mười hai) đến 14 (mười bốn) tháng tù về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T mức án tù 10 (mười) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn T số tiền 14.950.000 đồng, bồi thường cho bị hại Nguyễn Thanh T số tiền 6.000.000 đồng và bồi thường cho bị hại Võ Tấn N số tiền 22.201.584 đồng chi phí điều trị thương tích.

Ngày 29/3/2021, bà Trần Ngọc V là mẹ của bị cáo Nguyễn Hữu T đã thay bị cáo T nộp số tiền thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0000431 ngày 29/3/2021 và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền trên.

- Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

Tại phiên tòa bị hại ông Nguyễn Minh T khai đã được nhận lại 01 xe mô tô hiệu Honda Winner, biển số 61H1-498.84, riêng chiếc điện thoại trị giá 3.000.000 đồng ông không yêu cầu bị cáo bồi. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc V là mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Hữu T đã thay bị cáo T nộp số tiền thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng và không yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả lại số tiền trên.

Bị hại Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 6.000.000 đồng, bị hại Võ Tấn N yêu cầu bị cáo H bồi thường chi phí điều trị thương tích là 22.201.584 đồng, ông Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 14.950.000 đồng.

Bị cáo Phan Minh H đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung Cáo trạng truy tố, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo không có tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa các bị cáo Phan Minh H và Nguyễn Hữu T đã khai nhận:

- Khoảng 06 giờ ngày 21/02/2020 tại nhà trọ H thuộc ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, Phan Minh H mượn mô tô hiệu Honda Winner, biển số 61H1-498.84 của anh Nguyễn Minh T để H chở bạn đi làm nhưng sau đó H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô nêu trên nên đã đem xe cầm cố lấy tiền đánh bạc và tiêu xài cá nhân hết. Bị cáo cầm cố xe được số tiền 15.000.000 đồng, cuộc lại điện thoại của T với số tiền là 2.050.000 đồng, sau đó cầm cố xe thêm 2.000.000 đồng, tổng cộng là 14.950.000 đồng.

- Khoảng 14 giờ ngày 02/4/2020, H nảy sinh ý định mượn xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 93T7-1210 của anh Nguyễn Thanh T để cầm cố lấy tiền mua ma túy sử dụng. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày tại nhà của Thoại ở ấp R, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, H nói dối với T là mượn xe mô tô biển số 93T7-1210 đi chở bạn nhưng sau đó H đem xe cầm cố cho Nguyễn Hữu T được 2.000.000 đồng và mua ma túy sử dụng hết.

- Khoảng 21 giờ ngày 08/5/2020 tại tổ 14, ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, Phan Minh H có hành vi sử dụng một con dao dài khoảng 50cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, mũi nhọn, cán làm bằng gỗ chém một nhát trúng vào tay phải và mũi dao trúng vào mặt của Võ Tấn N gây tỷ lệ thương tật 36%.

- Bị cáo Nguyễn Hữu T thừa nhận biết rõ xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 93T7-1210 do H chiếm đoạt của người khác mà có nhưng vẫn đồng ý cầm cố 3.000.000 đồng sau đó đem bán để thu lợi 1.000.000 đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Xét các bị cáo Phan Minh H và Nguyễn Hữu T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, bị cáo H hoàn toàn biết hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác và hành vi mượn tài sản của người khác, sau đó đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản là vi phạm pháp luật. Nhưng vì động cơ tư lợi, bản chất tham lam, lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài mà không phải tốn công sức lao động nên bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả, thể hiện ý thức liều lĩnh và xem thường pháp luật.

Ngoài ra bị cáo Phan Minh H hoàn toàn biết hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm, thể hiện tính xem thường pháp luật, xem thường tính mạng sức khỏe của người khác.

Bị cáo Nguyễn Hữu T nhận thức rõ xe mô tô mà bị cáo H mang đến cầm cố là do phạm tội mà có nhưng bị cáo vẫn cố ý cầm cố cho H rồi mang đi bán hưởng tiền chênh lệch nhằm thu lợi bất chính.

[2.3] Tài sản bị cáo H chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Minh T gồm 01 mô tô hiệu Honda Winner, biển số 61H1-498.84 trị giá 46.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Samsung A30 32Gb trị giá 3.000.000 đồng, chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thanh T là 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 93T7-1210 trị giá 6.000.000 đồng và chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T số tiền 14.950.000 đồng.

[2.4] Hành vi của bị cáo Phan Minh H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134, khoản 1 Điều 174, điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, bản Cáo trạng số 24/CT-VKSBC ngày 29/01/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Phan Minh H về tội: “Cố ý gây thương tích”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 3 Điều 134, khoản 1 Điều 174, điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo H có 01 tiền án: Ngày 02/02/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát xử phạt 02 năm tù về tội “cố ý gây thương tích” theo Bản án số 14, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/6/2019 và chấp hành xong án phí ngày 01/6/2018, chưa bồi thường thiệt hại. Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra bị cáo H có hai lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo T có 01 tiền án: Ngày 16/7/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 60, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/02/2018 và chấp hành xong án phí ngày 03/11/2014. Bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm

hành sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra ngày 12/01/2021 bị cáo T còn bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 03/2021/HS-ST ngày 12/01/2021.

Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo nhằm cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục cho các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[3.2] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; ngoài ra bị cáo T còn tác động gia đình nộp tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả và có cha ruột, bà ngoại, bà cố là người có công với cách mạng theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Minh T không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường giá trị của chiếc điện thoại di động hiệu Samsung A30 32Gb mà bị cáo đã chiếm đoạt là 3.000.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 14.950.000 đồng.

Bị hại Nguyễn Thanh T yêu cầu bị cáo H bồi thường giá trị chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 93T7-1210 là 6.000.000 đồng.

Bị hại Võ Tấn N yêu cầu bị cáo H bồi thường chi phí điều trị thương tích với tổng số tiền là 22.201.584 đồng bao gồm:

Chi phí thuốc, chi phí điều trị, chi phí chụp X-Quang: 4.133.066 đồng.

Tiền viện phí: 15.268.518 đồng.

Tiền thuê phương tiện đưa người bị thiệt hại đi cấp cứu: 2.800.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo cũng tự nguyện đồng ý bồi thường cho các bị hại số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ngày 29/3/2021, bà Trần Ngọc V là mẹ của bị cáo Nguyễn Hữu T đã thay bị cáo T nộp số tiền thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0000431 ngày 29/3/2021 và không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô hiệu Honda Winner, biển số 61H1-498.84 là tài sản hợp pháp của bị hại Nguyễn Minh T. Ngày 23/3/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát đã tiến hành giao trả tài sản trên cho bị hại T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Minh H phạm tội: “Cố ý gây thương tích”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phan Minh H: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, 01 (một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phạm Minh H phải chấp hành hình phạt chung là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 21/6/2020.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 10 (mười) tháng tù.

Tuyên tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù tại Bản án số 03/2021/HS-ST ngày 12/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương buộc bị cáo Nguyễn Hữu T chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 02 (hai) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/8/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Buộc bị cáo Phan Minh H có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn T số tiền 14.950.000 đồng (mười bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng); bị hại Nguyễn Thanh T số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) và bị hại Võ Tấn N số tiền là 22.201.584 đồng (hai mươi hai triệu hai trăm lẻ một nghìn năm trăm tám mươi bốn đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 1.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính của bị cáo T (đã được nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0000431 ngày 29/3/2021).

5. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phan Minh H, Nguyễn Hữu T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm, riêng bị cáo H còn phải chịu 2.157.600 đồng (hai triệu một trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

Nguyễn Thị Duyên

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Duyên

